

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37/2020/DS-ST**

Ngày: 30-6-2020

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Kim Phụng

2. Ông Bùi Quang Phú

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:

Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 117/2019/TLST – DS ngày 14 tháng 6 năm 2019, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2020/QĐST-DS ngày 22/6/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Mỹ L**, sinh năm: 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, đường N, Tổ B, Khu phố C, phường Phú M, TP. Thủ Dầu M, tỉnh Bình D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, Tổ B, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện Phú G, tỉnh Bình D.

2. *Bị đơn:*

- Ông **Huỳnh Thương T**, sinh năm: 1958 (Có mặt)

- Bà **Trần Thị Mỹ H**, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà C, Tổ B, ấp Tà T, xã Lộc T, huyện Lộc N, tỉnh Bình Ph

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ B, Khu phố C, phường Phú M, TP. Thủ Dầu M, tỉnh Bình D

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Ng, sinh năm: 1964 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà N, Tổ B, ấp Vĩnh T, xã Vĩnh H, huyện Phú G, tỉnh Bình D.

* Người làm chứng: Ông **Nguyễn Văn T** (tên thường gọi: Nguyễn Văn Tâm), sinh năm: 1960 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Long T, xã Long H, huyện Dầu T, tỉnh Bình D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 5 năm 2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Ng trình bày:

Vào năm 2015, ông Huỳnh Thương T có vay của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 400.000.000 đồng. Do khi cho vay các bên không có thỏa thuận thời hạn trả và ông Tuấn cũng chưa trả được tiền nên đến ngày 16/12/2017, giữa bà Ly và ông Tuấn có viết lại giấy mượn tiền (giấy có nội dung đánh máy và nội dung viết tay), các bên thỏa thuận thời hạn trả là 60 ngày kể từ ngày 16/12/2017. Tuy nhiên, đến hạn ông Tuấn không trả mặc dù bên phía bà Ly đã liên hệ nhiều lần.

Do bà Trần Thị Mỹ H là vợ của ông Huỳnh Thương T. Vì vậy, nay bà Ly yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết như sau:

Buộc ông Huỳnh Thương T và bà Trần Thị Mỹ H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc đã vay là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Buộc ông Huỳnh Thương T và bà Trần Thị Mỹ H liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tiền lãi tính từ ngày 17/02/2018 cho đến ngày 17/6/2020, lãi suất là 9%/năm (0,75%/tháng), với số tiền là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng)

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn – ông Huỳnh Thương T trình bày: Ông là chồng của bà Trần Thị Mỹ H, ông xác định: Vào năm 2015, ông có vay tiền và vàng của bà Nguyễn Thị Mỹ L nhiều lần, cụ thể: Lần thứ 1 vay số tiền 180.000.000 đồng; Các lần thứ 2, 3, 4 và 5 vay tổng số tiền 6.000.000 đồng; Lần thứ 6 vay 02 chỉ vàng 24K. Đến năm 2017, do chưa trả được nợ nên hai bên có chốt nợ là ông còn nợ bà Ly 200.000.000 đồng và ông có hứa trả thêm cho bà Ly 200.000.000 đồng nếu bán được đất.

Mục đích ông vay tiền và vàng trên của bà Ly là để làm ăn riêng, cụ thể: Ông xin dự án đất ở xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước để trồng cây cao su, tuy nhiên do trục trặc về vấn đề thủ tục nên chưa thực hiện được.

Khi ông vay tiền và vàng trên của bà Ly thì vợ ông (bà Trần Thị Mỹ H) hoàn toàn không biết, ông chỉ sử dụng số tiền và vàng trên là để làm ăn riêng không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy, bà Huệ không có trách nhiệm cùng liên đới với ông trả nợ cho bà Ly.

Ông xác định giấy có tiêu đề “Giấy mượn tiền” đề ngày 16/12/2017 (Giấy có nội dung chữ viết, chữ số đánh máy và viết tay vào phần trống), phần viết tay (chữ số và chữ viết) không phải là do ông viết. Đối với phần cuối của giấy trên

(Phần “Người Mượn”) thì chữ ký và chữ viết họ và tên của ông là do ông viết, còn đối với dấu lấn tay thì ông không xác định được.

Nay ông chỉ đồng ý trả cho bà Ly số tiền 400.000.000 đồng như nguyên đơn đã yêu cầu. Ông không đồng ý trả tiền lãi của số tiền như nguyên đơn đã yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, người làm chứng - ông Nguyễn Văn Trình bày:
Giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2017 (giấy có nội dung đánh máy và viết tay), phần ký tên và ghi họ tên và chữ viết “mượn tiền của anh chị Hoàng có mặt tôi” là do ông viết, ký tên và ghi họ tên.

Vào khoảng năm 2015, ông Tuấn có đến nhà bà Ly ở Bình Dương thỏa thuận mua bán đất dự án, tuy nhiên ông Tuấn nói đang hoàn thiện thủ tục để mua đất dự án và còn thiếu tiền nên có hỏi mượn của bà Ly số tiền 400.000.000 đồng. Khi ông Tuấn mượn tiền bà Ly thì có mặt ông, ông Tuấn, bà Ly và ông Hoàng (chồng bà Ly), ông trực tiếp nhìn thấy bà Ly đưa tiền cho ông Tuấn số tiền 400.000.000 đồng, ông Tuấn có đếm tiền sau khi nhận tiền, mệnh giá tiền là tiền 500.000 đồng và tiền 200.000 đồng. Trên đường về, ông Tuấn có cho ông 1.000.000 đồng. Khi vay tiền thì hai bên có viết giấy vay và ký tên vào giấy vay.

Ông được biết là do ông Tuấn không chạy được đất dự án và cũng nhiều lần hứa hẹn trả lại cho bà Ly 400.000.000 đồng nhưng không thực hiện nên bà Ly, chồng bà Ly và ông cùng đến nhà ông Tuấn thỏa thuận viết lại giấy mượn tiền (phần viết tay do ông Tuấn viết), thỏa thuận 02 tháng sau sẽ trả, ông Tuấn có lấn tay và ký tên vào giấy mượn tiền, khi viết giấy thì có ông, bà Ly, ông Hoàng và ông Tuấn, không có mặt bà Huệ.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:*

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa kể từ ngày thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn (ông Huỳnh Thương T), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn (bà Trần Thị Mỹ H) không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự)

** Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:*

+ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ L

+ Buộc ông Huỳnh Thương T trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) và tiền lãi là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu ông Huỳnh Thương T và bà Trần Thị Mỹ H liên đới trả số tiền đã vay và trả tiền lãi. Vì vậy, xác định tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại xã Lộc Thịnh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tuy nhiên bị đơn – bà Trần Thị Mỹ H vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà Trần Thị Mỹ H.

Về nội dung

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2017 tại bút lục số 02 (giấy có nội dung đánh máy và viết tay); Căn cứ kết luận giám định số 1443/C09B ngày 06/3/2020 của Viện khoa học hình sự - Phân viện khoa học hình sự tại TP. Hồ Chí Minh; Lời trình bày của các đương sự, người làm chứng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, có cơ sở xác định: Vào năm 2015, ông Huỳnh Thương T có vay của bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng). Do khi cho vay các bên không có thỏa thuận thời hạn trả và ông Tuấn cũng chưa trả được tiền cho bà Ly nên đến ngày 16/12/2017, giữa bà Ly và ông Tuấn có viết lại giấy mượn tiền (giấy có nội dung đánh máy và nội dung viết tay), thỏa thuận thời hạn trả nợ là 60 ngày, không có thỏa thuận trả tiền lãi. Tuy nhiên, cho đến nay ông Tuấn vẫn chưa trả cho bà Ly khoản tiền nào. Vì vậy, yêu cầu trả số tiền 400.000.000 đồng của nguyên đơn là có căn cứ.

Đối với yêu cầu trả tiền lãi: Khi cho vay các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi. Căn cứ khoản 4 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả lãi. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 17/02/2018 cho đến ngày 17/6/2020 với mức lãi suất là 0,75%/tháng/400.000.000 đồng với số tiền là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật về thời gian tính lãi suất và mức lãi suất.

Đối với yêu cầu buộc ông Huỳnh Thương T và bà Trần Thị Mỹ H có trách nhiệm liên đới trả tiền gốc và tiền lãi: Giấy mượn tiền đề ngày 16/12/2017 (bút lục số 2) thể hiện chỉ có một mình ông Tuấn tham gia ký kết; người làm chứng xác định khi tham gia ký kết thì không có mặt bà Trần Thị Mỹ H, mặt khác ông Tuấn xác định khi ông vay tiền và vàng của bà Ly thì vợ ông (bà Trần Thị Mỹ H) hoàn toàn không biết, ông chỉ sử dụng số tiền và vàng vay của bà Ly là để làm ăn riêng, không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì vậy, không có căn cứ buộc bà Trần Thị Mỹ H liên đới trả số tiền gốc là tiền lãi trên cho bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Tại phiên tòa, ông Tuấn chỉ đồng ý trả cho bà Ly số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng).

Từ những phân tích trên, cần buộc ông Huỳnh Thương T trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tổng số tiền 484.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng), trong đó: Tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

[2] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn (ông Huỳnh Thương T) phải hoàn trả lại cho nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bị đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận (số tiền được chấp nhận là 484.000.000 đồng). Như vậy, số tiền án phí bị đơn phải chịu là 23.360.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng). Tuy nhiên, do bị đơn là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn toàn bộ án phí, vì vậy cần miễn toàn bộ án phí cho bị đơn

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, Điều 465, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Mỹ L.

Buộc ông Huỳnh Thương T trả cho bà Nguyễn Thị Mỹ L tổng số tiền 484.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi bốn triệu đồng), trong đó: Tiền gốc là 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), tiền lãi là 84.000.000 đồng (Tám mươi bốn triệu đồng).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Miễn toàn bộ án phí cho ông Huỳnh Thương T

Bà Nguyễn Thị Mỹ L không phải chịu tiền án phí. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 10.900.000 đồng (Mười triệu chín trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000265 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh.

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Huỳnh Thương T phải hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền chi phí giám định là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng)

4/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

5/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nội nhân:
THẨM

- TAND tành Bình Phồôùc;

toà

- VKS huyềñ Loăc Ninh;

- Căùc ñồông sô;

- THADS huyềñ Loăc Ninh;

- Lồu hoà sô.

T.M HOÀI ÑOÀNG XEÙT XỒÙ SỒ

Thaảm phaùn - Chuû toĩa phiềñ

Trần Quang Minh

